

Bản án số: 119/2020/HS-ST
Ngày 03 – 7 – 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thanh Liêm

Bà Trần Thị Mỹ Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Chương – Cán bộ Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:
Ông Hồ Thanh Sang – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 126/2020/TLST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2020. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 449/2020/HSST-QĐ ngày 19/6/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Đức T**, giới tính: Nam, sinh ngày 20/8/1992; tại: Bình Định; Nơi đăng ký thường trú: Ấp H, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định; Chỗ ở: Không nơi cư trú ổn định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Lê Văn C và bà Hà Thị Ngọc B; Anh, em ruột: 02 người (Lớn là bị cáo, nhỏ sinh năm 1994). Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/8/2019 đến ngày 05/9/2019, chuyển sang tạm giam cho đến nay, tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Cà Mau. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Công ty TNHH đầu tư xây dựng Thương Mại M

Địa chỉ trụ sở: 85/15, đường T, phường N, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Xuân N, chức danh Giám đốc. Địa chỉ: Số 1B, đường số 4, khu phố 3, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hà Thị Ngọc B, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp H, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lê Đức T là người làm thuê có hợp đồng lao động với Công ty TNHH đầu tư xây dựng Thương Mại M, bắt đầu vào ngày 20/3/2019, lương 7.000.000đ/tháng. Đến ngày 22/3/2019, ông Đỗ Xuân N phân công Trần xuống công trình Nhà máy may Cà Mau tại Khu Đô thị H thuộc ấp B, xã L, thành phố C, để làm việc quản lý kho vật liệu. Thời gian làm việc tại đây, bị cáo đã 06 lần lén lút lấy 19 cuộn dây điện đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

- Lần thứ nhất: Khoảng giữa tháng 5/2019 (không nhớ ngày), bị cáo lấy trộm 02 cuộn dây điện loại CV 2.5mm² hiệu T, chưa qua sử dụng, mỗi cuộn dài 100m. Bị cáo nhờ người bạn tên Tiêu Vũ L bán dùm, bị cáo nói với L dây điện làm còn dư nên bán, L bán được 1.200.000 đồng đưa cho bị cáo.

- Lần thứ hai: Cách lần thứ nhất khoảng 05 ngày, bị cáo lấy trộm 02 cuộn loại CV 2.5mm² hiệu T, chưa qua sử dụng. Lần này L đã biết bị cáo lấy trộm dây điện của công trình, nhưng do bị cáo hứa giới thiệu việc làm cho L nên L đồng ý bán dùm bị cáo, L bán được khoảng 800.000 đồng đưa cho bị cáo.

- Lần thứ ba: Cách lần thứ hai khoảng một tuần, bị cáo lấy trộm 02 cuộn loại CV 4.0mm² hiệu T và 01 cuộn loại CV 2.0mm² hiệu Cadivi, chưa qua sử dụng;

- Lần thứ tư: Sau ngày 10/6/2019, bị cáo lấy trộm 03 cuộn loại CV 2.0mm² hiệu Cadivi, chưa qua sử dụng;

- Lần thứ năm: Cách lần thứ tư ba ngày, bị cáo lấy trộm 02 cuộn loại CV 4.0mm² hiệu T và 02 cuộn loại CV 2.0mm² hiệu Cadivi, chưa qua sử dụng;

- Lần thứ sáu: Cách lần thứ năm khoảng bốn ngày, lấy trộm 03 cuộn loại CV 2.0mm² hiệu Cadivi, chưa qua sử dụng và 02 cuộn loại CV 2.0mm² hiệu Cadivi đã sử dụng một nửa, còn lại một nửa (khoảng 50m).

Những lần trộm sau đó, bị cáo tiếp tục đưa cho L 03 cuộn dây điện nhờ L bán dùm nhưng L không đồng ý vì đã biết dây điện bị cáo lấy trộm. Nhưng L không đồng ý bán dùm bị cáo, bị cáo sử dụng Facebook nhắn tin và gửi hình ảnh các cuộn dây điện cho anh Huỳnh Việt K để bán các cuộn dây điện cho anh K, nhưng anh K nghi ngờ là tài sản trộm cắp nên anh K không liên lạc với bị cáo nữa nên bị cáo trả lại cho công trình 03 cuộn dây điện này. Số dây điện lấy trộm còn lại 12 cuộn không bán được bị cáo gửi xe khách về Bình Định cho mẹ bị cáo là bà Hà Thị Ngọc B cất giữ dùm, bị cáo nói với bà B là dây điện do bị cáo làm công trình còn dư, bà B không biết là dây điện bị cáo lấy trộm mà có. Một thời gian sau bị cáo thường hay xin tiền bà B nên bà B đem các cuộn dây điện bán lấy tiền gửi cho bị cáo tiêu xài cá nhân.

** Tại bản kết luận định giá tài sản số: 99/KLĐG ngày 04/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Cà Mau, kết luận:*

Thời điểm tháng 6 năm 2019.

- 05 cuộn = 500 mét loại cáp Cu/PVC 2mm² hiệu T hàng mới nhập kho, có giá 16.420 đồng/mét. Thành tiền 16.420đ x 500m = 8.210.000đ.

- 04 cuộn = 400 mét loại Cu/PCV 4mm² hiệu T hàng mới nhập kho, có giá 22.112 đồng/mét. Thành tiền 22.112đ x 400m = 8.844.000đ.

- 08 cuộn = 800 mét loại Cu/PCV 2mm² hiệu Cadivi hàng mới nhập kho, có giá là 18.244 đồng/mét. Thành tiền 18.244đ x 800m = 14.595.200đ.

- 02 cuộn, 100 mét loại Cu/PCV 2mm² hiệu Cadivi hàng mới nhập kho đã được cắt sử dụng, có giá 18.244 đ/mét. Thành tiền 18.244đ x 100m = 1.824.400đ.

Tổng cộng: **33.473.600** đồng.

Do có sự thay đổi về thông tin, đặc điểm tài sản cần định giá, nên ngày 28/10/2019 Cơ quan điều tra thay đổi về nội dung yêu cầu định giá.

** Tại bản kết luận định giá tài sản số: 128/KL-HĐĐG ngày 04/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Cà Mau, kết luận:*

Thời điểm tháng 6 năm 2019

- 04 cuộn = 400 mét loại cáp điện CV 2.5mm² hiệu T hàng mới nhập kho, có giá 6.083 đồng/mét. Thành tiền 6.083đ x 400m = 2.433.200đ.

- 04 cuộn = 400 mét loại cáp điện CV 4mm² hiệu T hàng mới nhập kho, có giá 9.207 đồng/mét. Thành tiền 9.207đ x 400m = 3.682.800đ.

- 01 cuộn = 100 mét loại cáp điện CV 2mm² hiệu T hàng mới nhập kho, có giá 5.236 đồng/mét. Thành tiền 5.236đ x 100m = 523.600đ.

- 08 cuộn = 800 mét loại cáp điện CV 2mm² hiệu Cadivi hàng mới nhập kho, có giá 5.269 đồng/mét. Thành tiền 5.269đ x 800m = 4.215.200đ.

- 02 cuộn = 100 mét loại cáp CV 2mm² hiệu Cadivi hàng mới nhập kho đã được cắt sử dụng, có giá 5.269 đ/mét. Thành tiền 5.269đ x 100m = 526.900đ.

Tổng cộng: **11.381.700** đồng

Ông Đỗ Xuân N phát hiện bị cáo đã nhiều lần lấy trộm các cuộn cáp dây điện của Công ty mang đi bán nhưng lấy trộm bao nhiêu cuộn dây điện thì ông N không xác định được. Sau khi thống kê chi tiết số lượng dây điện nhập vào kho, trừ đi số lượng đã thi công, thì công ty bị mất khoảng 15.113 mét (khoảng 150 cuộn) loại dây cáp điện 4.0mm², mỗi mét trị giá là 24.569 đồng và 1.132 mét (khoảng 11 cuộn) loại dây cáp điện 2.0mm², mỗi mét trị giá 18.244đ. Tổng giá trị bị thiệt hại là 391.958.591đ

Ngoài hành vi trộm cắp tài sản nêu trên bị cáo T còn lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của Công ty TNHH đầu tư xây dựng Thương Mại M, cụ thể như sau:

Vào ngày 28/6/2019, ông Đỗ Xuân N chuyển tiền vào thẻ ATM tài khoản số 105005224796 của bị cáo T mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền 17.000.000 đồng, để bị cáo T trả tiền công san lấp mặt bằng cho anh Huỳnh Ngọc N 15.000.000 đồng, còn 2.000.000 đồng để mua vật dụng phục vụ cho công trình. Khi tiền đã chuyển vào tài khoản của bị cáo 17.000.000đ, bị cáo này sinh ý định và dùng số tiền này để trả nợ cá nhân của bị cáo hết 9.400.000 đồng, đến tối cùng ngày ông N tiếp tục điện thoại cho bị cáo yêu cầu bị cáo đem tiền trả cho anh N 15.000.000đ và mua vật dụng sáng hôm sau cho công nhân làm, lúc này không còn đủ tiền để trả cho anh N và mua vật dụng cho công nhân làm, nên bị cáo bỏ trốn khỏi Cà Mau đến thành phố Hồ Chí Minh. Ông N nhiều lần

liên lạc với bị cáo nhưng không được. Thời gian bỏ trốn bị cáo đã tiêu xài hết số tiền còn lại.

Quá trình điều tra, Lê Đức T thành khẩn khai báo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; bị cáo tác động gia đình nộp khắc phục số tiền 27.000.000 đồng đang do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau quản lý.

* Về trách nhiệm dân sự: Ông Đỗ Xuân N đại diện Công ty yêu cầu bị cáo T trả lại cho công ty số tiền 17.000.000đ mà bị cáo đã chiếm đoạt và bồi thường tài sản bị cáo đã lấy trộm có giá trị 391.985.591đ do ông N thuê Trần trong giữ kho vật tư, quá trình giữ kho làm mất mát tài sản nên T phải có trách nhiệm bồi thường.

Tại cáo trạng số: 129/CT-VKS ngày 11/6/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau đã truy tố bị cáo Lê Đức T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Đức T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52. Xử phạt bị cáo Lê Đức T từ 06 đến 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và từ 08 tháng đến 10 tháng tù tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng Điều 55 tổng hợp hình phạt của hai tội là từ 01 năm 02 tháng đến 01 năm 07 tháng tù.

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Xin giảm nhẹ hình phạt. Thống nhất bồi thường cho Công ty số tiền 28.381.700đ.

- Bị hại thống nhất mức bồi thường bị cáo tự nguyện là 28.381.700đ. Yêu cầu xét xử bị cáo với mức hình phạt thấp nhất tạo điều kiện cho bị cáo làm lại cuộc đời. Đối với số dây điện bị mất không có căn cứ khẳng định bị cáo lấy ông không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã có hành vi, quyết định tố tụng đúng quy định.

[2] Tại phiên tòa, ông Đỗ Xuân N đại diện bị hại và bị cáo T thống nhất: Kết luận tại bản kết luận định giá tài sản số 99/KLĐG ngày 04/9/2019, căn cứ vào giá mua bán trên thị trường tại thời điểm định giá thì giá trị những cuộn dây

điện mà bị cáo đã trộm cắp là 33.473.600đ. Kết luận định giá số 128/KL-HĐĐG ngày 04/11/2019 giá trị những cuộn dây điện mà bị cáo đã trộm cắp là 11.381.700đ là căn cứ theo giá mà Công ty TNHH đầu tư xây dựng Thương Mại M mua của các nhà cung cấp sản phẩm, vì mua bán số lượng lớn và uy tín của công ty nên công ty mua được giá thấp hơn giá thị trường. Tuy nhiên, giá trị tài sản mà công ty bị thiệt hại do hành vi trái pháp luật của bị cáo được xác định là thiệt hại thực tế của công ty. Mặc dù giá trên thị trường là 33.473.600đ nhưng thiệt hại về tài sản thực tế của Công ty do hành vi bị cáo gây ra chỉ là 11.381.700đ, nên căn cứ vào thiệt hại thực tế để xác định trách nhiệm hình sự cũng như trách nhiệm bồi thường của bị cáo, đúng như Viện kiểm sát truy tố.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Đức T thừa nhận vào khoảng thời gian từ giữa tháng 5 năm 2019 đến tháng 6 năm 2019, tại kho công trình của Công ty TNHH đầu tư xây dựng Thương Mại M, khu đô thị H thuộc ấp B xã L, thành phố Cà Mau, bị cáo có hành vi 06 lần lén lút lấy trộm tài sản của Công ty TNHH đầu tư xây dựng Thương Mại M tổng số tiền là theo kết quả định giá số 128/KL-HĐĐG ngày 04/11/2019 là 11.381.700đ.

Trong đó có 03 lần trộm cắp mỗi lần giá trị tài sản đều trên 2.000.000đ đủ định lượng cấu thành tội trộm cắp, cụ thể: Lần thứ ba, lấy trộm 02 cuộn loại CV 4.0mm² hiệu T và 01 cuộn loại CV 2.0mm² hiệu Cadivi với giá trị 2.368.300đ; lần thứ năm lấy trộm 02 cuộn loại CV 4.0mm² hiệu T và 02 cuộn loại CV 2.0mm² hiệu Cadivi, chưa qua sử dụng có giá trị 2.895.200đ và lần thứ sáu Cách lần thứ năm khoảng bốn ngày, lấy trộm 03 cuộn loại CV 2.0mm² hiệu Cadivi, chưa qua sử dụng và 02 cuộn loại CV 2.0mm² hiệu Cadivi đã sử dụng một nửa, còn lại một nửa (khoảng 50m/01 cuộn) có giá trị 2.107.600đ. Giá trị tài sản của 03 lần bị cáo trộm cắp là 7.371.100đ. Khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản các lần này, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó hành vi của bị cáo đã cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự đúng như Viện kiểm sát truy tố.

[3] Ba lần trộm cắp còn lại, giá trị tài sản trộm cắp mỗi lần đều dưới 2.000.000đ, trong khi bị cáo chưa có tiền án tiền sự nên không đủ định lượng cấu thành tội trộm cắp tài sản. Kiến nghị cơ quan Công an thành phố Cà Mau xử lý bị cáo về trách nhiệm hành chính đối với ba lần trộm cắp tài sản này.

[4] Vào ngày 28/6/2019 sau khi nhận được tiền của công ty do ông N chuyển vào tài khoản của bị cáo để chi trả cho hoạt động của công trình, bị cáo đã nảy sinh lòng tham và chiếm đoạt số tiền 17.000.000đ tiêu xài cá nhân, sau đó bỏ trốn nhằm chiếm đoạt số tiền này. Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền 17.000.000đ, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền 17.000.000đ với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó hành vi của

bị cáo đã cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Với lòng tham, trong thời gian ngắn, bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là tiền của bị hại để tiêu xài cá nhân, bị cáo thực hiện hành vi với thái độ xem thường pháp luật. Do đó, cần có mức án tương xứng, đủ để răn đe cho bị cáo sửa chữa và cũng là phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tác động đến gia đình để nộp 27.000.000đ khắc phục hậu quả cho bị hại, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa bị hại yêu cầu xử bị cáo với mức hình phạt thấp nhất đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Dù vậy nhưng bị cáo đã thực hiện 03 lần trộm cắp dây điện nên thuộc tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, được áp dụng khi xác định mức hình phạt cho bị cáo. Mức hình phạt Đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với hai tội từ 01 năm 02 tháng đến 01 năm 07 tháng tù là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và đại diện bị hại thống nhất mức bồi thường cho những cuộn dây điện bị cáo trộm là 11.381.700đ và tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại 17.000.000đ. Tổng hai khoản bị cáo phải trả lại cho bị hại 28.381.700đ. Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bị cáo và bị hại về việc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại 28.381.700đ. Bị cáo đã nộp 27.000.000đ đang do chi cục thi hành án quản lý theo biên bản ngày 15/6/2020, nên bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 1.381.700đ.

[7] Đối với Tiêu Vũ L bán dây điện dùm bị cáo hai lần, lần thứ nhất Linh không biết dây điện do bị cáo trộm cắp mà có. Lần thứ hai Linh bán dùm bị cáo 02 cuộn loại CV 2.5mm² hiệu T, anh L đã biết rõ dây điện do bị cáo trộm cắp mà có. Tuy nhiên, tài sản thiệt hại theo định giá ở lần trộm cắp này của bị cáo T là 1.216.600 đồng, hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo T chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm như nhận định trên, do đó hành vi của anh L không cấu thành tội phạm, không xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh L là phù hợp. Ngày 25/11/2019, Công an thành phố Cà Mau ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.000.000 đồng đối với L là phù hợp.

[8] Đối với bà Hà Thị Ngọc B là mẹ ruột bị cáo khi bán dây điện do bị cáo không biết do bị cáo trộm cắp mà có nên hành vi của bà B không cấu thành tội phạm nên không xem xét trách nhiệm hình sự của bà B là phù hợp.

[9] Đối với Đại diện bị hại yêu cầu bị cáo T bồi thường tổng tài sản thiệt hại là 391.985.591 đồng trong thời gian bị cáo T trong giữ kho. Quá trình điều tra có đủ căn cứ chứng minh bị cáo T chỉ lấy trộm 19 cuộn dây điện thiệt hại

11.381.700 đồng. Phần dây điện chênh lệch còn lại có giá trị 380.603.891 đồng, ông N không xác định được ai lấy trộm cũng không có chứng cứ thể hiện bị cáo trộm nên không đủ căn cứ khẳng định bị cáo T lấy trộm toàn bộ số dây điện như ông N trình bày. Đối với số dây điện bị mất mà không có cơ sở thể hiện bị cáo trộm, đây là trách nhiệm dân sự, không xem xét trong vụ án này. Tại phiên tòa ông N thống nhất, Công ty sẽ yêu cầu xem xét trách nhiệm dân sự đối với bị cáo sau nếu giữa Công ty và bị cáo không thỏa thuận được.

[10] Đối với số tiền 27.000.000đ bà B đã nộp để khắc phục cho bị cáo. Tại phiên tòa, bà B xác định số tiền này bà tặng cho bị cáo để nộp khắc phục hậu quả cho bị hại. Bà không yêu cầu gì đối với số tiền 27.000.000đ đã nộp trong vụ án này. Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Lê Đức T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Đức T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ ngày 30/8/2019.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017

Tuyên bố bị cáo Lê Đức T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Đức T 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ ngày 30/8/2019.

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt của hai tội, hình phạt chung bị cáo Lê Đức T phải chấp hành là 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ ngày 30/8/2019.

- Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 585, 589 Bộ luật dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại về việc: Bị cáo Lê Đức T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Công ty TNHH đầu tư xây dựng Thương Mại M số tiền 28.381.700đ (*hai mươi tám triệu ba trăm tám mươi một ngàn bảy trăm đồng*). Bị cáo Lê Đức T đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau số tiền 27.000.000đ (*Hai mươi bảy triệu*), bị cáo Lê Đức T còn phải tiếp tục bồi thường cho Công ty TNHH đầu tư xây dựng Thương Mại M số tiền 1.381.700đ (*Một triệu ba trăm tám mươi một ngàn bảy trăm đồng*).

Công ty TNHH đầu tư xây dựng Thương Mại M có quyền liên hệ Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau nhận số tiền 27.000.000đ (*Hai mươi bảy triệu đồng*).

- Áp dụng Các Điều, 136, 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Về án phí: Án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) và án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bị cáo Lê Đức T phải nộp (chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- Bị cáo; các đương sự;
- VKSND Thành phố Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Cơ quan điều tra CAND Thành phố Cà Mau;
- Cơ quan T.H.A Dân sự Thành phố Cà Mau;
- Cơ quan T.H.A Hình sự Thành phố Cà Mau;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TAND TP.Cà Mau.

Phan Thị Thu